TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thuận

2. Ông Phạm Văn Rở

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 115/2022/TLST - HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 7 năm 2022. Giữa:

1.Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích X, sinh năm:1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang .

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Út H, sinh năm: 1974 ((Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Bích X trình bày: bà và ông Trần Văn Út H tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyên đi đến hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2005 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân, do ông H rượu chè bê tha, thường xuyên chửi bới đánh đập bà vô cớ. Bà vì con cố gắng chịu đựng lựa lời khuyên ngăn nhưng ông H vẫn không thay đổi. Do không chịu nổi sự hành hạ đay nghiến của ông H, bà và con đã bỏ quê đi xa làm thuê sinh sống. Nhưng ông H vẫn tìm đến và khi rượu vào ông lại đánh đập chửi mắng xúc phạm bà. Nay xét thấy bà không thể nào chịu đựng được cảnh bạo lực gia đình nên yêu cầu ly hôn ông H.Quá trình chung sống bà và ông H có hai con chung tên Trần Hoài P, sinh ngày 18/5/2002 và Trần Hoài N, sinh ngày 17/10/2006. Các con hiện nay đang sống cùng bà. Đối với cháu P đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu N, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà xác định không yêu Tòa án giải quyết, khi nào có tranh chấp sẽ khởi kiện sau.

Bị đơn ông Trần Văn Út H không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích X và không có yêu cầu phản tố.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Bích X và ông Trần Văn Út H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của ông bà được xem là hợp pháp. Bà X cho rằng ông H rượu chè bê tha, mỗi khi có rượu vào đánh đập chửi mắng bà nên bà không thể nào tiếp tục chịu đựng tình trạng bạo lực gia đình nên đã sống ly thân với ông H từ năm 2019 cho đến nay. Về phía ông H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà X cũng như có yêu cầu phản tố giao nộp Tòa án. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên bà X khởi kiện ly hôn ông H là có căn cứ. Về con chung, bà X xác định bà và ông H có hai con chung tên Trần Hoài P, sinh ngày 18/5/2002 và Trần Hoài N, sinh ngày 17/10/2006. Hiện cháu P đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét. Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi

dưỡng cháu N của bà Xuyến và xét theo nguyện vọng của cháu N được sống cùng với bà X nên yêu cầu của bà X được trực tiếp nuôi dưỡng con là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: bà X không yêu cầu nên đề nghị không xem xét .

Từ các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X, giao cháu Trần Hoài N cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. về án phí buộc bà X chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: bà Lê Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền nuôi con chung với ông Trần Văn Út H nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và ông H với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Trần Văn Út H đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông vắng mặt mà không rõ lý do các lần mời tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên Tòa xét xử. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Bích X và ông Trần Văn Út H tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà X và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn đã được bà X xác định tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên Tòa. Riêng ông H không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà X. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Nhưng ông H không có ý kiến gì. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày bà X là do ông H rượu chè bê tha, chửi bới, đánh đập bà, giữa bà và ông H đã không còn chung sống vợ chồng từ năm 2019 cho đến nay nên đời sống vợ chồng của bà X và ông H không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Và kể từ thời điểm bà X khởi kiện, ông H cũng biết thông tin vụ việc nhưng ông không có mặt qua các lần mời của Tòa án và cũng không có biện pháp nào để nhằm mục đích để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ giữa ông bà đã không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm

trọng nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà X được ly hôn ông H.

[2.2]Về con chung, bà X xác định bà và ông H có hai con chung tên Trần Hoài P, sinh ngày 18/5/2002 và Trần Hoài N, sinh ngày 17/10/2006. Ông H không có ý kiến gì về con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà bà X cung cấp là giấy khai sinh của cháu Trần Hoài P và Trần Hoài N thể hiện bà X và ông H là cha mẹ của các cháu. Từ đó, có cơ sở để xác định Trần Hoài P và Trần Hoài N là con chung của bà X và ông H. Xét yêu cầu của bà X về việc yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hoài N. Riêng cháu P đã trưởng thành, bà X không yêu cầu xem xét. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại cháu N đang sống với bà X, cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần và bản thân ông H cũng không có ý kiến cho rằng bà X không đảm bảo điều kiện nuôi con. Mặc khác, xét theo nguyện vọng của cháu N thì cháu có ý kiến được sống cùng bà X. Bản thân bà X hiện tại cũng có nghề nghiệp có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao Trần Hoài N, sinh ngày 17/10/2006 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. bà X không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

[2.2]Về tài sản chung và nợ chung: bà X xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3]Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm bà X phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà X đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005859 ngày 07/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Bà X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Bích X được ly hôn với ông Trần Văn Út H.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Hoài N, sinh ngày 17/10/2006 cho bà Trần Thị Bích X trực tiếp nuôi dưỡng (xem xét theo nguyện vọng của cháu N được

sống cùng mẹ). Ông Trần Văn Út H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3**.** Về án phí: Buộc bà X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thảo đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005859 ngày 07/3/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Bà X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; bà X được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 11-8-2022). Riêng ông H vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương